

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH ĐỊNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 81 /BC-UBND

Bình Định, ngày 01 tháng 06 năm 2024

BÁO CÁO

Tổng kết thi hành Luật Tài nguyên, môi trường biển và hải đảo năm 2015

Kính gửi: Bộ Tài nguyên và Môi trường.

Phần thứ nhất

**ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH, KẾT QUẢ TRIỂN KHAI THI HÀNH
LUẬT TÀI NGUYÊN, MÔI TRƯỜNG BIỂN VÀ HẢI ĐẢO**

I. Đánh giá tình hình triển khai thi hành Luật Tài nguyên, môi trường biển và hải đảo

1. Công tác chỉ đạo, điều hành triển khai thi hành Luật Tài nguyên, môi trường biển và hải đảo và các văn bản quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật

Trong năm 2016, UBND tỉnh đã chỉ đạo Sở Tài nguyên và Môi trường tổ chức Hội nghị tập huấn phổ biến Luật Tài nguyên, môi trường biển và hải đảo, Nghị định số 40/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật và một số văn bản có liên quan cho các sở, ban, ngành và địa phương trên địa bàn tỉnh.

Bên cạnh đó, trong thời gian qua, UBND tỉnh đã ban hành một số văn bản chỉ đạo các cơ quan, đơn vị liên quan tham mưu triển khai thi hành Luật Tài nguyên, môi trường biển và hải đảo và các văn bản quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật bao gồm:

- Văn bản số 1340/UBND-KT ngày 20/3/2019 về việc triển khai thực hiện công tác quản lý nhà nước về tài nguyên, bảo vệ môi trường biển và hải đảo;

- Quyết định số 296/QĐ-UBND ngày 25/01/2019 phê duyệt Danh mục các khu vực phải thiết lập hành lang bảo vệ bờ biển tỉnh;

- Quyết định số 4383/QĐ-UBND ngày 25/11/2019 phê duyệt Chiều rộng, ranh giới hành lang bảo vệ bờ biển của tỉnh;

- Quyết định số 60/2022/QĐ-UBND ngày 16/9/2022 ban hành Quy định về quản lý, bảo vệ hành lang bảo vệ bờ biển trên địa bàn tỉnh;

- Văn bản số 2682/UBND-KT ngày 13/5/2021 về việc triển khai thực hiện Nghị định số 11/2021/NĐ-CP ngày 10/02/2021 của Chính phủ quy định việc giao các khu vực biển nhất định cho tổ chức, cá nhân khai thác, sử dụng tài nguyên biển;

- Văn bản số 2641/UBND-TH ngày 27/4/2023 về việc tăng cường công tác quản lý nhà nước theo quy định của pháp luật về giao khu vực biển trên địa bàn tỉnh.

Bên cạnh đó, UBND tỉnh đã trình Tỉnh ủy ban hành Chương trình hành động số 22-CTr/TU ngày 29/7/2019 về thực hiện Nghị quyết số 36-NQ/TW ngày 22/10/2018 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XII) về Chiến lược phát triển bền vững kinh tế biển Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045, đồng thời ban hành một số kế hoạch triển khai các chiến lược và kế hoạch Trung ương bao gồm: Kế hoạch thực hiện Chương trình hành động số 22-CTr/TU¹; Kế hoạch hành động về quản lý rác thải nhựa đại dương đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh²; Kế hoạch truyền thông về biển và đại dương đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh³; Kế hoạch thực hiện Chiến lược khai thác, sử dụng bền vững tài nguyên, bảo vệ môi trường biển và hải đảo đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050 trên địa bàn tỉnh⁴.

Theo quy định tại khoản 2 Điều 3 của Luật quy định “2. *Quản lý tổng hợp tài nguyên biển và hải đảo là việc hoạch định và tổ chức thực hiện các chính sách, cơ chế, công cụ điều phối liên ngành, liên vùng để bảo đảm tài nguyên biển và hải đảo được khai thác, sử dụng hiệu quả, duy trì chức năng và cấu trúc của hệ sinh thái nhằm phát triển bền vững, bảo vệ chủ quyền, quyền chủ quyền, quyền tài phán quốc gia của Việt Nam trên biển, bảo đảm quốc phòng, an ninh*”. Công tác điều phối liên ngành, liên vùng chưa được quy định cụ thể, rõ ràng nên rất khó triển khai trong thực tế. Ngoài ra, nguyên nhân chính là cơ quan tham mưu UBND tỉnh thực hiện công tác quản lý tổng hợp tài nguyên biển và hải đảo hiện nay chủ yếu là Sở Tài nguyên và Môi trường (trong đó có Phòng Biển và Hải đảo) chưa đủ nguồn lực, đồng thời chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn theo quy định còn hạn chế nên chỉ đáp ứng một phần trong tham mưu triển khai Luật và các văn bản quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật.

2. Công tác tuyên truyền, phổ biến Luật Tài nguyên, môi trường biển và hải đảo và các văn bản quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật

Từ năm 2016 đến nay, UBND tỉnh đã chỉ đạo các cơ quan, đơn vị liên quan tham mưu triển khai các hoạt động phổ biến, tuyên truyền với đa dạng về hình thức bao gồm:

- Năm 2016: Tổ chức Hội nghị tập huấn phổ biến một số văn bản quy phạm pháp luật về lĩnh vực biển và hải đảo tại thành phố Quy Nhơn (trong đó có Luật Tài nguyên, môi trường biển và hải đảo và Nghị định số 40/2016/NĐ-CP); Treo băng rôn, phướn tuyên truyền tại các địa phương ven biển, tổ chức Lễ mittinh và diễu hành hưởng ứng Tuần lễ Biển và Hải đảo Việt Nam (01/6 - 08/6) và Ngày Đại dương thế giới (08/6) tại thị xã Hoài Nhơn; Tổ chức cuộc thi tìm hiểu kiến

¹ Quyết định số 465/QĐ-UBND ngày 17/02/2020 của UBND tỉnh

² Quyết định số 470/QĐ-UBND ngày 18/02/2020 của UBND tỉnh

³ Quyết định số 3229/QĐ-UBND ngày 04/10/2022 của UBND tỉnh

⁴ Quyết định số 1989/QĐ-UBND ngày 06/6/2023 của UBND tỉnh

thức với chủ đề “Bảo vệ đại dương - Bảo vệ cuộc sống của bạn” tại huyện Phù Cát; In và phát hành tập san “Em yêu biển, đảo quê hương” (bao gồm các tác phẩm đạt giải Hội thi vẽ tranh năm 2015);

- Năm 2017: Treo băng rôn, phướn tuyên truyền Tuần lễ Biển và Hải đảo Việt Nam và Ngày Đại dương thế giới tại các địa phương ven biển; Tổ chức cuộc thi tìm hiểu kiến thức với chủ đề “Bạn & Tôi, chung tay hành động vì biển đảo” tại thành phố Quy Nhơn; Tổ chức cuộc thi viết với chủ đề “Tuổi trẻ với tình yêu biển, đảo quê hương”; Tổ chức cuộc thi ảnh và triển lãm ảnh nghệ thuật “Lãng kính xanh” tại thành phố Quy Nhơn; Tổ chức Lễ ra quân phát động chiến dịch làm sạch bãi biển tại huyện Phù Mỹ;

- Năm 2018: Treo băng rôn, phướn tuyên truyền Tuần lễ Biển và Hải đảo Việt Nam và Ngày Đại dương thế giới tại các địa phương ven biển; Phát thanh chuyên mục “Bảo vệ tài nguyên, môi trường biển, hải đảo” (04 bài/tháng) trên hệ thống Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh; Tổ chức cuộc thi “Rung chuông vàng” tại huyện Phù Cát;

- Năm 2019: Tổ chức Hội nghị tập huấn phổ biến một số văn bản quy phạm pháp luật về lĩnh vực biển và hải đảo tại thành phố Quy Nhơn (phối hợp Tổng cục Biển và Hải đảo Việt Nam, nay là Cục Biển và Hải đảo Việt Nam thuộc Bộ Tài nguyên và Môi trường); Treo băng rôn, phướn tuyên truyền tại các địa phương ven biển, tổ chức Lễ mittinh và diễu hành hưởng ứng Tuần lễ Biển và Hải đảo Việt Nam và Ngày Đại dương thế giới tại thành phố Quy Nhơn; Tổ chức Hội thi vẽ tranh với chủ đề “Em yêu biển, đảo quê hương” tại thị xã Hoài Nhơn; Dựng pano tuyên truyền tại các trường học thuộc địa phương ven biển;

- Năm 2020: Treo băng rôn, phướn tuyên truyền Tuần lễ Biển và Hải đảo Việt Nam và Ngày Đại dương thế giới tại các địa phương ven biển; In và phát hành tập san “Tuổi thơ với biển đảo quê hương” (bao gồm các tác phẩm đạt giải Hội thi vẽ tranh năm 2019); Dựng pano tuyên truyền tại các trường học thuộc địa phương ven biển; Tổ chức ngày hội “Đôi rác lấy đồ dùng học tập”, cuộc thi tìm hiểu kiến thức với chủ đề “Chung tay bảo vệ môi trường biển, đảo, giảm thiểu rác thải nhựa đại dương” và Lễ ra quân phát động chiến dịch làm sạch bãi biển tại thị xã Hoài Nhơn; Tổ chức tuyên truyền, cảnh báo sự nguy hiểm của dòng Rip (chảy xoáy) tại các bãi biển trên địa bàn tỉnh bằng hình thức phát thanh, tờ rơi và pano;

- Năm 2021: Tổ chức Hội nghị tập huấn Nghị định số 11/2021/NĐ-CP tại thành phố Quy Nhơn (mời Lãnh đạo Tổng cục Biển và Hải đảo Việt Nam tham gia báo cáo, tập huấn và trao đổi các vấn đề liên quan); Treo băng rôn, phướn tuyên truyền Tuần lễ Biển và Hải đảo Việt Nam và Ngày Đại dương thế giới tại các địa phương ven biển; Dựng pano tuyên truyền tại các trường học thuộc địa phương ven biển; Hỗ trợ thùng đựng rác cho các địa phương ven biển huyện Phù Cát;

- Năm 2022: Treo băng rôn, phướn tuyên truyền Tuần lễ Biển và Hải đảo Việt Nam và Ngày Đại dương thế giới tại các địa phương ven biển; Dựng pano tuyên truyền tại các trường học thuộc địa phương ven biển; Tổ chức cuộc thi ảnh và triển lãm ảnh nghệ thuật “Lãng kính xanh” tại thành phố Quy Nhơn; Tổ chức Lễ ra quân phát động chiến dịch làm sạch bãi biển tại huyện Phù Cát;

- Năm 2023: Treo băng rôn, phướn tuyên truyền tại các địa phương ven biển, tổ chức Lễ mittinh, diễu hành hưởng ứng Tuần lễ Biển và Hải đảo Việt Nam, Ngày Đại dương thế giới và Lễ ra quân phát động chiến dịch làm sạch bãi biển tại thị xã Hoài Nhơn; Dựng pano cảnh báo dòng Rip tại các bãi biển trên địa bàn tỉnh; Tổ chức hoạt động “Đổi rác lấy đồ dùng học tập” tại thành phố Quy Nhơn;

- Năm 2024 (tính đến thời điểm hiện tại): Tổ chức hoạt động “Đổi rác thải nhựa lấy đồ dùng học tập”, cuộc thi “Rung chuông vàng” và cuộc thi vẽ tranh “Em yêu biển, đảo quê hương” tại thành phố Quy Nhơn.

Thông qua các hoạt động phổ biến, tuyên truyền đã có hiệu quả nâng cao nhận thức, ý thức trách nhiệm bảo vệ tài nguyên, môi trường biển, hải đảo và bảo vệ biên giới chủ quyền biển, đảo đến mọi tầng lớp nhân dân trong tỉnh như: cán bộ, công chức, công an, bộ đội, giáo viên, giảng viên, học sinh, sinh viên, phóng viên, người dân... đồng thời phổ biến kịp thời, đầy đủ các quy định về giao khu vực biển cho đội ngũ cán bộ, công chức các cơ quan quản lý nhà nước và các tổ chức, cá nhân có nhu cầu sử dụng khu vực biển.

Qua thực tế triển khai trong những năm qua cho thấy chất lượng, hiệu quả của công tác tuyên truyền, phổ biến tuy đã ngày càng được nâng cao, nhưng lại không đồng đều. Nhận thức của một bộ phận cán bộ, công chức và người dân về tầm quan trọng của công tác bảo vệ tài nguyên, môi trường biển, hải đảo còn hạn chế. Công tác lãnh đạo, chỉ đạo tuyên truyền ở một số cơ quan, đơn vị còn mang tính tự phát và không duy trì thường xuyên, không có kế hoạch triển khai hằng năm. Nguồn kinh phí phục vụ cho công tác tuyên truyền vẫn chủ yếu từ ngân sách tỉnh. Nguồn nhân lực thực hiện công tác tuyên truyền hiệu quả chủ yếu tập trung ở một số sở, ban, ngành chuyên về công tác truyền thông, bộ phận còn lại chủ yếu là kiêm nhiệm nên kinh nghiệm, kỹ năng tuyên truyền còn hạn chế nên đã ảnh hưởng một phần đến kết quả triển khai.

3. Công tác tổ chức, nguồn lực thực hiện Luật Tài nguyên, môi trường biển và hải đảo và các văn bản quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật

Hiện trạng cơ cấu tổ chức, bộ máy của Phòng Biển và Hải đảo (trực thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường) có số lượng biên chế là 05 người, bao gồm: 01 Trưởng phòng, 01 Phó Trưởng phòng và 03 chuyên viên. Hiện nay, Phòng có 05 người, bao gồm: 01 Phó Trưởng phòng phụ trách, 02 chuyên viên chính và 02 chuyên viên. Trình độ chuyên môn công chức của Phòng bao gồm: 02 thạc sỹ và 03 cử nhân Đại học thuộc các lĩnh vực sinh học, môi trường, kinh tế và quản lý nhà nước.

Trong thời gian qua, Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan tham mưu UBND tỉnh phối hợp chặt chẽ với Bộ Tài nguyên và Môi trường và các Bộ, ngành Trung ương trong xây dựng 02 quy hoạch quan trọng là Quy hoạch không gian biển quốc gia và Quy hoạch tổng thể khai thác, sử dụng bền vững tài nguyên vùng bờ; góp ý một số văn bản quy phạm pháp

luật⁵; tham gia giải quyết các hồ sơ thủ tục hành chính liên thông do Bộ Tài nguyên và Môi trường chủ trì giải quyết⁶; kiểm tra việc chấp hành các quy định của pháp luật trên địa bàn tỉnh⁷; đồng thời tổ chức các Hội nghị phổ biến các văn bản pháp luật liên quan⁸.

Nguồn kinh phí phục vụ các nhiệm vụ liên quan quản lý tổng hợp tài nguyên, bảo vệ môi trường biển và hải đảo chủ yếu là từ nguồn ngân sách tỉnh. Cơ sở vật chất, trang thiết bị hiện nay chủ yếu là các thiết bị văn phòng. Nhằm phục vụ công tác giao và quản lý việc giao các khu vực biển nhất định trên địa bàn tỉnh, UBND tỉnh đã đầu tư một số trang thiết bị, phần mềm liên quan cho Sở Tài nguyên và Môi trường theo hướng dẫn của Tổng cục Biển và Hải đảo Việt Nam tại văn bản số 1011/TCBHĐVN-QLKTĐB ngày 14/11/2016.

Theo quy định của Luật, từ năm 2016 đến nay, hằng năm, UBND tỉnh đều thực hiện báo cáo định kỳ về quản lý tổng hợp tài nguyên, bảo vệ môi trường biển và hải đảo (01 báo cáo/năm)⁹.

Qua gần 07 năm tổ chức thi hành Luật và các văn bản quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật cho thấy đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức đã phần nào đáp ứng được công tác tham mưu triển khai các nội dung được quy định trong Luật. Tuy nhiên, cơ quan tham mưu chính công tác quản lý tổng hợp tài nguyên, bảo vệ môi trường biển, hải đảo vẫn là Sở Tài nguyên và Môi trường với 05 biên chế Phòng Biển và Hải đảo, trong khi đó, tại UBND cấp huyện chỉ được quy định 01 vị trí việc làm theo dõi lĩnh vực biển, hải đảo. Nhìn chung, đội ngũ tham mưu công tác triển khai Luật cần được tăng cường về số lượng và chất lượng để đảm bảo hiệu quả trong công tác quản lý tổng hợp tài nguyên, bảo vệ môi trường biển và hải đảo tại địa phương.

Công tác phối hợp với Bộ Tài nguyên và Môi trường và các Bộ, ngành Trung ương trong thời gian qua nhìn chung cơ bản đảm bảo hiệu quả, nhất là trong công tác xây dựng các quy hoạch, văn bản quy phạm pháp luật và giải quyết các hồ sơ thủ tục hành chính liên thông do Bộ Tài nguyên và Môi trường chủ trì. Tuy nhiên, Bộ Tài nguyên và Môi trường chưa tổ chức nhiều các chương trình tập huấn, hướng dẫn triển khai các văn bản quy phạm pháp luật liên quan cho các địa phương ven biển.

Nguồn kinh phí địa phương phân bổ cho các nhiệm vụ quản lý liên quan còn hạn chế vì phải tập trung đầu tư cho các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội trên

⁵ Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 40/2016/NĐ-CP và Nghị định số 11/2021/NĐ-CP; Nghị định về hoạt động lấn biển; Nghị định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý tài nguyên, bảo vệ môi trường biển và hải đảo;...

⁶ Từ năm 2023 đến nay, tham gia giải quyết hồ sơ đề nghị cấp phép nhận chìm ở biển, giao khu vực biển để nhận chìm đối với dự án Đầu tư xây dựng công trình cải tạo, nâng cấp luồng Quy Nhơn cho tàu 50.000 DWT của Ban Quản lý dự án Hàng hải (Bộ Giao thông vận tải).

⁷ Năm 2018 và 2023 phối hợp với Tổng cục Biển và Hải đảo Việt Nam (năm 2023 là Cục Biển và Hải đảo Việt Nam) thực hiện kiểm tra.

⁸ Năm 2019 và 2021 phối hợp Tổng cục Biển và Hải đảo Việt Nam tổ chức 02 Hội nghị.

⁹ Các văn bản, báo cáo liên quan từ năm 2016 đến nay lần lượt là: văn bản số 617/UBND-TH ngày 22/02/2017; văn bản số 6906/UBND-KT ngày 18/12/2017; Báo cáo số 18/BC-UBND ngày 01/02/2019; Báo cáo số 06/BC-UBND ngày 21/01/2020; Báo cáo số 13/BC-UBND ngày 02/02/2021; Báo cáo số 15/BC-UBND ngày 11/02/2022; Báo cáo số 31/BC-UBND ngày 15/3/2023; Báo cáo số 08/BC-UBND ngày 26/01/2024.

địa bàn tỉnh. Cơ sở vật chất, trang thiết bị chỉ đáp ứng một phần cho công tác chuyên môn. Nhất là hiện nay, tỉnh còn thiếu nguồn lực cho công tác điều tra cơ bản tài nguyên, môi trường biển và hải đảo trên địa bàn tỉnh, cũng như hệ thống cơ sở hạ tầng vận hành cơ sở dữ liệu biển và hải đảo và các cơ sở dữ liệu liên quan khác.

Công tác báo cáo định kỳ về tình hình quản lý tổng hợp tài nguyên, bảo vệ môi trường biển và hải đảo hằng năm cho Bộ Tài nguyên và Môi trường được UBND tỉnh chỉ đạo Sở Tài nguyên và Môi trường triển khai thường xuyên. Tuy nhiên vì nội dung báo cáo liên quan đến nhiều ngành, lĩnh vực và một số chương trình, nhiệm vụ liên quan¹⁰ nên khối lượng công việc rất lớn, cần nhiều thời gian để thu thập, tổng hợp thông tin.

II. Đánh giá kết quả triển khai thi hành Luật Tài nguyên, môi trường biển và hải đảo

1. Việc thực hiện Chiến lược khai thác, sử dụng bền vững tài nguyên, bảo vệ môi trường biển và hải đảo

Trong thời gian qua, UBND tỉnh triển khai Chiến lược khai thác, sử dụng bền vững tài nguyên, bảo vệ môi trường biển và hải đảo theo Quyết định số 798/QĐ-TTg¹¹ và Quyết định số 1989/QĐ-UBND thông qua các dự án, nhiệm vụ liên quan công tác quản lý tổng hợp tài nguyên, bảo vệ môi trường biển và hải đảo.

a) Dự án, nhiệm vụ liên quan khai thác, sử dụng bền vững tài nguyên biển và hải đảo

- Xây dựng Quy hoạch tỉnh Bình Định thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 (có tổ chức lồng ghép các nội dung quản lý tổng hợp tài nguyên và bảo vệ môi trường biển và hải đảo vào Quy hoạch)¹²;

- Xây dựng Đề án phát triển du lịch cộng đồng xã Nhơn Hải, thành phố Quy Nhơn¹³;

- Xây dựng Đề án phát triển du lịch cộng đồng tại thôn Lý Lương, Lý Hưng - xã Nhơn Lý và khu vực Bãi Xếp - Phường Ghềnh Ráng, thành phố Quy Nhơn đến năm 2025¹⁴;

- Xây dựng Đề án đảm bảo môi trường trong hoạt động du lịch tỉnh Bình Định đến năm 2025, định hướng đến năm 2030¹⁵;

¹⁰ Nội dung báo cáo bao gồm kết quả thực hiện: chiến lược khai thác, sử dụng bền vững tài nguyên, bảo vệ môi trường biển và hải đảo; quy hoạch, kế hoạch sử dụng biển; quy hoạch tổng thể khai thác, sử dụng bền vững tài nguyên vùng bờ; chương trình quản lý tổng hợp tài nguyên vùng bờ;...

¹¹ Quyết định số 798/QĐ-TTg ngày 11/5/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Kế hoạch thực hiện Chiến lược khai thác, sử dụng bền vững tài nguyên và bảo vệ môi trường biển đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030

¹² Quy hoạch được phê duyệt tại Quyết định số 1619/QĐ-TTg ngày 14/12/2023 của Thủ tướng Chính phủ.

¹³ Quyết định số 862/QĐ-UBND ngày 15/3/2024 của UBND tỉnh

¹⁴ Quyết định số 4086/QĐ-UBND ngày 04/11/2019 của UBND tỉnh

¹⁵ Quyết định số 1194/QĐ-UBND ngày 03/4/2020 của UBND tỉnh

- Thực hiện Kế hoạch triển khai đợt cao điểm 180 ngày giải quyết dứt điểm khai thác bất hợp pháp, không báo cáo, không theo quy định (IUU) trên địa bàn tỉnh Bình Định¹⁶.

Bên cạnh đó là một số dự án, nhiệm vụ khác được trình bày tại nội dung b Mục 2.

b) Dự án, nhiệm vụ liên quan bảo vệ môi trường biển và hải đảo: được trình bày tại Mục 2, 7, 8, 9 và 10.

c) Dự án, nhiệm vụ liên quan bảo tồn đa dạng sinh học và nguồn lợi biển và hải đảo

- Thực hiện phong trào “Toàn dân bảo vệ nguồn lợi thủy sản” và mô hình đồng quản lý nguồn lợi thủy sản tại các xã, phường, thị trấn ven đầm, ven biển hàng năm; công nhận, giao quyền quản lý và thực hiện đồng quản lý trong bảo vệ nguồn lợi thủy sản tại Bãi Dứa, xã Nhơn Lý¹⁷, khu vực phía Tây Hòn Khô Nhỏ, xã Nhơn Hải¹⁸, khu vực biển Hòn Nhàn, phường Ghềnh Ráng¹⁹ và khu vực biển Bãi Trước, xã Nhơn Châu²⁰ theo quy định của Luật Thủy sản cho 04 tổ chức cộng đồng tại thành phố Quy Nhơn;

- Thực hiện Chương trình bảo tồn rùa biển dựa vào cộng đồng (2010 - 2016);

- Xây dựng Đề án thành lập Khu vực biển vịnh Quy Nhơn do cộng đồng địa phương quản lý²¹;

- Xây dựng Quy hoạch Bảo tồn đa dạng sinh học tỉnh Bình Định đến năm 2025, định hướng đến năm 2030²²;

- Lập dự án thành lập Khu dự trữ thiên nhiên đầm Thị Nại (2022 - 2023).

Bên cạnh đó là một số dự án, nhiệm vụ khác được trình bày tại Mục 2, 4 và 9.

d) Dự án, nhiệm vụ liên quan ứng phó với biến đổi khí hậu (BĐKH), nước biển dâng và phòng, chống thiên tai

- Dự án “Bảo vệ và phát triển rừng ngập mặn tỉnh Bình Định” và “Trồng rừng ven biển” (2011 - 2020); Dự án ”Bảo vệ và phát triển rừng ven biển” (2021 - 2023);

- Dự án “Nâng cấp hệ thống đê và trồng rừng ngập mặn để ứng phó với BĐKH vùng đầm Thị Nại - tỉnh Bình Định” (thuộc Chương trình Hỗ trợ ứng phó với BĐKH (SP-RCC)) (2013 - 2018);

¹⁶ Quyết định số 4388/QĐ-UBND ngày 25/12/2022 và Quyết định số 747/QĐ-UBND ngày 14/3/2023 của UBND tỉnh

¹⁷ Quyết định số 445/QĐ-UBND ngày 04/02/2020 của UBND thành phố Quy Nhơn

¹⁸ Quyết định số 8118/QĐ-UBND ngày 12/11/2022 của UBND thành phố Quy Nhơn

¹⁹ Quyết định số 800/QĐ-UBND ngày 08/02/2021 của UBND thành phố Quy Nhơn

²⁰ Quyết định số 806/QĐ-UBND ngày 08/02/2021 của UBND thành phố Quy Nhơn

²¹ Quyết định số 3740/QĐ-UBND ngày 24/10/2016 của UBND tỉnh

²² Quyết định số 4906/QĐ-UBND ngày 28/12/2017 của UBND tỉnh

- Dự án “Thoát nước và chống ngập úng tại các đô thị quy mô vừa vùng duyên hải Việt Nam tại thành phố Quy Nhơn” (2014 - 2016) do Tổ chức hợp tác quốc tế Đức (GIZ) tài trợ;

- Dự án “Cập nhật Kế hoạch hành động ứng phó với BĐKH tỉnh Bình Định giai đoạn 2016 - 2020” (2016 - 2018), “Xây dựng, cập nhật Kế hoạch hành động ứng phó với BĐKH giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 tỉnh Bình Định (2019 - 2020) và “Đánh giá khí hậu tỉnh Bình Định” (2018 - 2019);

- Dự án “Chiến lược mới nhằm tái tạo tự nhiên cho các thành phố dựa vào thiên nhiên - URBAN GreenUP” (2017 - 2023) do Ủy ban Châu Âu tài trợ;

- Dự án “Xây dựng khả năng chống chịu với lũ lụt cho cộng đồng tại tỉnh Bình Định” (2021 - 2023) do Quỹ Z Zurich tài trợ;

- Dự án “Xây dựng và nâng cấp 02 Trạm bờ Quy Nhơn và Hoài Nhơn kết nối được với Trạm bờ của Tổng cục Thủy sản (nay là Cục Thủy sản) phục vụ công tác phòng chống thiên tai - Tìm kiếm cứu nạn”;

- Xây dựng Kế hoạch triển khai Đề án “Phát triển các đô thị Việt Nam ứng phó với BĐKH giai đoạn 2021 - 2030 trên địa bàn tỉnh Bình Định”²³;

- Thành lập Ban Quản lý dự án hỗ trợ kỹ thuật tăng cường năng lực quản lý phát triển đô thị ứng phó với BĐKH²⁴ thông qua xây dựng hệ thống thông tin quản lý quy hoạch và phát triển đô thị Việt Nam tại tỉnh Bình Định (UPIS Bình Định).

Bên cạnh đó là một số dự án, nhiệm vụ khác được trình bày tại Mục 2 và 4.

Ngoài ra, UBND tỉnh đã chỉ đạo các sở, ban, ngành liên quan tham mưu các bước chuẩn bị triển khai dự án “Cộng đồng ven biển thông minh thích ứng BĐKH tại Việt Nam - Tỉnh Bình Định” do Chương trình Phát triển Liên hợp quốc tài trợ.

đ) Dự án, nhiệm vụ liên quan điều tra cơ bản biển và hải đảo được trình bày tại nội dung a Mục 2.

e) Dự án, nhiệm vụ liên quan khoa học, công nghệ và hợp tác quốc tế được trình bày tại nội dung b Mục 2 và Mục 9.

g) Hoàn thiện hệ thống pháp luật về quản lý tài nguyên, bảo vệ môi trường biển và hải đảo

UBND tỉnh tham gia góp ý 02 quy hoạch quan trọng là Quy hoạch không gian biển quốc gia, Quy hoạch tổng thể khai thác, sử dụng bền vững tài nguyên vùng bờ và một số văn bản quy phạm pháp luật liên quan giao khu vực biển, cấp phép nhận chìm ở biển, hoạt động lấn biển, xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý tài nguyên, bảo vệ môi trường biển và hải đảo...

h) Dự án, nhiệm vụ liên quan quản lý ranh giới hành chính của tỉnh trên biển

²³ Quyết định số 3785/QĐ-UBND ngày 13/9/2021 của UBND tỉnh

²⁴ Quyết định số 3438/QĐ-UBND ngày 24/10/2022 của UBND tỉnh

Thực hiện Dự án “Hoàn thiện, hiện đại hóa hồ sơ, bản đồ địa giới hành chính và xây dựng cơ sở dữ liệu về địa giới hành chính”²⁵, đến nay, các địa phương đã thống nhất phân định 26/27 tuyến cấp xã, 04/05 tuyến cấp huyện và 01/02 tuyến cấp tỉnh. Tuy nhiên, kết quả xác định ranh giới hành chính các cấp trên biển tỉnh Bình Định chưa được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Qua tình hình triển khai chiến lược trong thời gian qua cho thấy đã đạt được một số kết quả nổi bật, tuy nhiên, vì nguồn ngân sách địa phương hạn chế nên gây không ít khó khăn trong công tác triển khai các dự án, nhiệm vụ có liên quan, đặc biệt là điều tra cơ bản tài nguyên, môi trường biển và hải đảo.

2. Việc thực hiện công tác điều tra cơ bản, nghiên cứu khoa học về tài nguyên, môi trường biển và hải đảo (Chi tiết tại Biểu mẫu 01)

a) Về tổ chức thực hiện công tác điều tra cơ bản tài nguyên, môi trường biển và hải đảo

Hiện nay, trên địa bàn tỉnh không có nhiệm vụ chuyên về điều tra cơ bản (theo Chương trình trọng điểm điều tra cơ bản tài nguyên, môi trường biển và hải đảo). Tuy nhiên, để thực hiện công tác quản lý biển, hải đảo theo quy định của Luật Tài nguyên, môi trường biển và hải đảo thì tỉnh đã triển khai một số nhiệm vụ liên quan phục vụ công tác quản lý như sau:

- Thiết lập hành lang bảo vệ bờ biển tỉnh Bình Định;
- Điều tra, đánh giá hiện tượng dòng Rip (chảy xoáy) tại các bãi tắm Bình Định, xác định nguyên nhân và đề xuất giải pháp phòng tránh;
- Quan trắc nước biển ven bờ và trầm tích biển Bình Định;
- Xây dựng cơ sở dữ liệu và hệ thống thông tin tổng hợp phục vụ công tác quản lý tổng hợp tài nguyên và bảo vệ môi trường biển và hải đảo tỉnh Bình Định;
- Điều tra, thống kê định kỳ các hệ sinh thái, các loài động vật, thực vật đặc hữu có giá trị khoa học, kinh tế hoặc đang có nguy cơ tuyệt chủng tại đầm Thị Nại, đầm Trà Ổ;
- Nghiên cứu, điều tra, kiểm soát nguồn thải trực tiếp gây suy thoái tài nguyên, ô nhiễm môi trường vùng biển ven bờ tỉnh Bình Định;
- Điều tra, thống kê định kỳ các hệ sinh thái, các loài động vật, thực vật đặc hữu có giá trị khoa học, kinh tế hoặc đang có nguy cơ tuyệt chủng tại Đầm Đề Gi;
- Điều tra đánh giá nguồn lợi thủy sản tại vùng biển ven bờ, vùng lộng của tỉnh để phục vụ công tác bảo vệ nguồn lợi và quản lý nghề cá theo Luật Thủy sản 2017.

Kết quả của các nhiệm vụ đã góp phần hình thành nguồn thông tin, cơ sở dữ liệu tài nguyên, môi trường biển và hải đảo phục vụ cho công tác quản lý tại địa phương. Tuy nhiên, kết quả đạt được của các nhiệm vụ nêu trên chủ yếu là thông tin, số liệu về tài nguyên, môi trường 03 đầm Thị Nại, Đề Gi, Trà Ổ và vùng

²⁵ Quyết định số 513/QĐ-TTg ngày 02/5/2012 của Thủ tướng Chính phủ

biển ven bờ (cuối năm 2023 đã bắt đầu triển khai điều tra đánh giá nguồn lợi thủy sản ở vùng biển ven bờ và vùng lộng). So với nhu cầu thực tiễn cần triển khai công tác điều tra cơ bản tài nguyên, môi trường tại các vùng biển có ranh giới ngoài cách bờ 06 hải lý và tại các đảo trên địa bàn tỉnh thì mức độ đầu tư kinh phí cho các nhiệm vụ vừa qua là chưa đủ nguồn thông tin, số liệu phục vụ công tác quản lý.

Kết quả của các nhiệm vụ nêu trên đều tuân thủ quy định của pháp luật về cung cấp, giao nộp kết quả thực hiện các nhiệm vụ liên quan đến tài nguyên, môi trường biển và hải đảo.

Phần lớn các nhiệm vụ liên quan đến công tác điều tra cơ bản đều do các đơn vị tư vấn ngoài tỉnh thực hiện nên kết quả điều tra thường mất thời gian dài để phân tích tại trụ sở cơ quan của đơn vị. Các đơn vị tư vấn không phải người địa phương nên hạn chế về kiến thức điều kiện tự nhiên khi triển khai các hoạt động điều tra. Phương tiện phục vụ công tác điều tra tại các vùng biển xa rất hạn chế, chủ yếu là thuê các phương tiện tàu, thuyền khai thác thủy sản của ngư dân.

Hiện nay chưa có quy định Bộ Tài nguyên và Môi trường và các Bộ, ngành Trung ương chia sẻ kết quả các dự án, đề án, nhiệm vụ điều tra cơ bản tài nguyên, môi trường biển và hải đảo để bổ sung nguồn thông tin cho địa phương.

b) Về công tác nghiên cứu khoa học tài nguyên, môi trường biển và hải đảo

Công tác nghiên cứu khoa học liên quan đến tài nguyên, môi trường biển và hải đảo được triển khai thông qua một số dự án, đề tài như sau:

- Dự án “Nâng cao năng lực của các tổ chức cộng đồng địa phương gắn với giao quyền quản lý, bảo vệ rạn san hô tại vùng biển ven bờ thuộc Vịnh Quy Nhơn”;

- Đề tài cấp quốc gia “Nghiên cứu ứng dụng công nghệ viễn thám hỗ trợ giám sát chất lượng môi trường nước biển ven bờ tỉnh Bình Định phục vụ nuôi trồng thủy sản tại địa phương và vùng phụ cận”;

- Đề tài cấp tỉnh “Nghiên cứu phát triển và chế biến sâu một số sản phẩm từ Rong biển theo hướng nâng cao chất lượng và phát triển thành chuỗi giá trị trên địa bàn tỉnh Bình Định”.

Bên cạnh đó, trong thời gian tới sẽ tiếp tục triển khai 01 đề tài cấp tỉnh là “Nghiên cứu công nghệ xử lý, sử dụng nguồn cát biển, cát nhiễm mặn trên địa bàn tỉnh Bình Định làm vật liệu xây dựng” (bắt đầu từ năm 2024), đồng thời đang nghiên cứu đề xuất 01 nhiệm vụ cấp thiết phát sinh tại địa phương năm 2025 là “Nghiên cứu nguyên nhân gây biến động và đề xuất các giải pháp khôi phục sự ổn định đường bờ biển, giảm thiểu tai biến xói lở - bồi lấp ở khu vực ven biển tỉnh Bình Định”.

Nhìn chung, số lượng dự án, đề tài nghiên cứu khoa học liên quan tài nguyên, môi trường biển và hải đảo trong thời gian qua chưa nhiều. Nguyên nhân vì nguồn ngân sách tỉnh hạn chế (phần lớn là nguồn kinh phí Trung ương và hỗ trợ của các tổ chức quốc tế).

Hiện nay chưa có quy định Bộ Tài nguyên và Môi trường và các Bộ, ngành Trung ương chia sẻ kết quả các hoạt động nghiên cứu khoa học tài nguyên, môi trường biển và hải đảo do các tổ chức, cá nhân nước ngoài thực hiện để bổ sung nguồn thông tin cho địa phương.

3. Việc thực hiện công tác thống kê tài nguyên biển và hải đảo thuộc phạm vi quản lý của địa phương

Công tác thống kê tài nguyên biển và hải đảo tại địa phương được UBND tỉnh báo cáo Bộ Tài nguyên và Môi trường qua các báo cáo tình hình quản lý tổng hợp tài nguyên và bảo vệ môi trường biển và hải đảo hằng năm.

Sản lượng tài nguyên được khai thác như sau:

- Sản lượng khai thác thủy sản (2016 - 2023) (đơn vị: tấn) lần lượt qua từng năm như sau: 212.011, 223.000, 232.971, 245.620, 252.103, 258.140, 264.770, 270.074;

- Sản lượng nuôi trồng thủy sản (2016 - 2023) (đơn vị: tấn) lần lượt qua từng năm như sau: 9.969, 9.970, 10.250, 11.421, 9.416, 11.300, 9.208, 11.590;

- Sản lượng khai thác yến sào (2021 - 2023) (đơn vị: kg) lần lượt qua từng năm như sau: 230,1; 145,865; 103,345;

- Sản lượng muối năm 2023 là 22.992 tấn;

- Sản lượng cát nhiễm mặn năm 2016 là 947.432 m³;

- Sản lượng khai thác titan thô (đơn vị: tấn) năm 2016 là 1.450, năm 2018 là 14.746, năm 2021 là 3.000 và năm 2023 là 14.577;

- Số lượng hàng hoá vận chuyên qua các tuyến đường thủy nội địa (2020 - 2023) (đơn vị: tấn) lần lượt qua từng năm như sau: 17.900; 24.300; 29.160; 106.400;

- Số lượng hành khách vận chuyên qua các tuyến đường thủy nội địa (2020 - 2023) (đơn vị: tấn) lần lượt qua từng năm như sau: 248.000; 231.900; 438.200; 2.546.500;

- Số lượng hàng hoá thông qua cảng biển Quy Nhơn (2016 - 2023) (đơn vị: triệu tấn) lần lượt qua từng năm như sau: 14,5; 7,4; 8,0; 9,1; 13,7; 13,6; 13,8; 12,8;

- Số lượng khách du lịch (2016 - 2023) (đơn vị: triệu lượt) lần lượt qua từng năm như sau: 2,56; 3,34; 4,0; 4,8; 2,2; 1,22; 4,12; 5,0;

Hiện nay, các dự án đầu tư ven biển chủ yếu là các dự án du lịch (đầu tư xây dựng khu du lịch, nghỉ dưỡng, biệt thự, nhà hàng, khách sạn) tập trung ở Khu kinh tế Nhơn Hội thuộc Quy hoạch Khu kinh tế Nhơn Hội do Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh quản lý. Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh không cho thuê đất có mặt nước ven biển mà chỉ giao chủ đầu tư quản lý, sử dụng chung với cộng đồng. Hiện trạng khai thác, sử dụng khu vực biển trên địa bàn tỉnh hiện nay chủ yếu là: hoạt động nuôi trồng thủy sản quy mô nhỏ lẻ của các cá nhân, hộ gia đình và đánh bắt thủy hải sản; dịch vụ du lịch (tắm biển; lặn ngắm san hô,...); sử dụng mặt nước

biển làm khu vực quản lý, bảo vệ rạn san hô; sử dụng mặt nước biển làm khu neo đậu tàu thuyền chung cho cộng đồng ngư dân;...

Qua kết quả báo cáo, rà soát của các cơ quan, đơn vị, địa phương có biển trên địa bàn tỉnh, các tổ chức, cá nhân đang có hoạt động khai thác, sử dụng tài nguyên biển (*có phạm vi ngoài đường mép nước biển thấp nhất trung bình nhiều năm*) nhưng chưa thực hiện hồ sơ đề nghị giao khu vực biển chủ yếu là các cá nhân, các hộ gia đình nuôi trồng thủy sản nhỏ lẻ. Lí do là vì các cá nhân, các hộ gia đình nuôi trồng thủy sản thuộc trường hợp chưa thực hiện thủ tục cấp phép nuôi trồng thủy sản theo quy định tại khoản 1 Điều 39 Luật Thủy sản hoặc chưa được các địa phương thực hiện theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 44 Luật Thủy sản nên chưa có cơ sở cho việc giao khu vực biển. Sở Tài nguyên và Môi trường đã đề xuất UBND tỉnh đề nghị các cơ quan, địa phương liên quan thực hiện theo quy định, thẩm quyền. Mặt khác, việc chưa có các quy hoạch liên quan dẫn đến các cơ quan, đơn vị, địa phương gặp vướng mắc, khó khăn trong quá trình thực hiện giao khu vực biển do thiếu cơ sở về quy hoạch và phải lấy ý kiến nhiều cơ quan, đơn vị liên quan cấp Trung ương và cấp tỉnh trong khi các lồng bè nuôi trồng thủy sản của hộ gia đình, cá nhân nhỏ lẻ, có diện tích không lớn (trung bình khoảng 10 m²/lồng nuôi). Ngoài ra có 02 trường hợp được UBND tỉnh giao khu vực biển để phục vụ nhận chìm vật, chất nạo vét đã hoàn thành việc sử dụng (Chi tiết tại Biểu mẫu 02).

Theo quy định tại khoản 1 Điều 3 của Luật quy định “*1. Tài nguyên biển và hải đảo bao gồm tài nguyên sinh vật và tài nguyên phi sinh vật thuộc khối nước biển, đáy biển, lòng đất dưới đáy biển, vùng đất ven biển và quần đảo, đảo, bãi cạn lúc chìm lúc nổi, bãi ngầm (sau đây gọi chung là hải đảo) thuộc chủ quyền, quyền chủ quyền, quyền tài phán quốc gia của Việt Nam*”. Vì vậy, công tác thống kê tài nguyên biển và hải đảo thường mất rất nhiều thời gian vì nguồn thông tin thu thập rất lớn, phân tán tại nhiều cơ quan, đơn vị tham mưu quản lý.

Theo quy định tại khoản 9 Điều 3 của Luật quy định “*9. Thống kê tài nguyên biển và hải đảo là việc điều tra, tổng hợp, đánh giá hiện trạng tài nguyên biển và hải đảo tại thời điểm thống kê và tình hình biến động giữa các lần thống kê*”. Hiện nay, trên địa bàn tỉnh, công tác thống kê chủ yếu do Cục thống kê tỉnh Bình Định tham mưu UBND tỉnh thực hiện. Tuy nhiên chưa có quy định riêng về thống kê tài nguyên biển và hải đảo mà một số chỉ tiêu thường là kết quả thống kê chung (ví dụ: sản lượng nuôi trồng và khai thác thủy sản; số lượng khách du lịch;...).

4. Việc thực hiện các quy định về hành lang bảo vệ bờ biển, đảm bảo quyền tiếp cận của người dân với biển

Tỉnh Bình Định đã hoàn thành việc thiết lập hành lang bảo vệ bờ biển. UBND tỉnh đã phê duyệt Danh mục các khu vực phải thiết lập hành lang bảo vệ bờ biển tỉnh, phê duyệt Chiều rộng, ranh giới hành lang bảo vệ bờ biển của tỉnh, tiến hành cắm mốc giới và ban hành Quy định về quản lý, bảo vệ hành lang bảo vệ bờ biển trên địa bàn tỉnh. Hiện nay, các mốc giới hành lang bảo vệ bờ biển đã được giao

cho UBND các địa phương tham mưu quản lý, đồng thời các sở, ban, ngành liên quan, UBND các địa phương cấp huyện, cấp xã ven biển thực hiện quản lý, bảo vệ theo Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 60/2022/QĐ-UBND.

Các dự án dự kiến đầu tư trên địa bàn ven biển của tỉnh đều được Sở Tài nguyên và Môi trường, các sở, ban, ngành, đơn vị liên quan và UBND các huyện, thị xã và thành phố ven biển tham mưu UBND tỉnh xem xét ranh giới quy hoạch dự án để tránh chồng lấn với ranh giới, chiều rộng hành lang bảo vệ bờ biển đã được thiết lập. Bên cạnh đó, các mốc giới hành lang bảo vệ bờ biển đã được giao cho UBND các huyện, thị xã, thành phố, xã, phường, thị trấn quản lý, bảo vệ theo Quy định về quản lý, bảo vệ hành lang bảo vệ bờ biển trên địa bàn tỉnh nên không để xảy ra các hành vi vi phạm trong hành lang.

Theo Danh mục các khu vực phải thiết lập hành lang bảo vệ bờ biển trên địa bàn tỉnh bao gồm 43 đoạn tại 28 xã, phường, thị trấn thuộc các địa phương ven biển trên địa bàn tỉnh với chiều dài trên 100 km bờ biển được thiết lập thì có 39 đoạn được thiết lập với mục đích, yêu cầu bảo đảm quyền tiếp cận của người dân với biển.

Trong thời gian qua, một số dự án đề xuất đầu tư trên địa bàn tỉnh gặp khó khăn, vướng mắc trong công tác xác định diện tích triển khai vì có ranh giới dự án phần lớn chồng lấn với ranh giới hành lang bảo vệ bờ biển (chủ yếu là các dự án điện gió ven bờ, cảng biển,...) nên các nhà đầu tư và một số cơ quan quản lý đề xuất xem xét điều chỉnh hành lang bảo vệ bờ biển cho phù hợp, trong đó vẫn đảm bảo mục tiêu thiết lập hành lang bảo vệ bờ biển, đồng thời đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế biển ở địa phương.

Quy định việc điều chỉnh chiều rộng, ranh giới hành lang bảo vệ bờ biển tại khoản 1 Điều 40 Nghị định số 40/2016/NĐ-CP rất hạn chế và khó khăn vì chỉ quy định một số trường hợp điều chỉnh liên quan biến động về đường mực nước triều cao trung bình nhiều năm, quốc phòng, an ninh, thiên tai hoặc các trường hợp bất khả kháng mà chưa tính đến nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội phạm vi vùng bờ của địa phương.

5. Việc thực hiện quy định về chương trình quản lý tổng hợp tài nguyên vùng bờ

Công tác xây dựng và thực hiện Chương trình quản lý tổng hợp tài nguyên vùng bờ tỉnh thuộc Danh mục các đề án, dự án, nhiệm vụ triển khai Kế hoạch thực hiện Chương trình hành động số 22-CTr/TU.

Hiện nay, tỉnh chưa triển khai công tác xây dựng và thực hiện Chương trình quản lý tổng hợp tài nguyên vùng bờ tỉnh vì theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 35 Luật tài nguyên, môi trường biển và hải đảo thì một trong những căn cứ để lập chương trình quản lý tổng hợp tài nguyên vùng bờ là Quy hoạch tổng thể, khai thác, sử dụng bền vững tài nguyên vùng bờ. Hiện nay, Quy hoạch đang được Bộ Tài nguyên và Môi trường chủ trì xây dựng và chưa được ban hành. Do đó, nhiệm vụ này sẽ thực hiện sau khi có cơ sở theo quy định là Quy hoạch tổng thể khai thác, sử dụng bền vững tài nguyên vùng bờ.

6. Việc thực hiện quy định về lập, quản lý hồ sơ tài nguyên hải đảo

Hiện nay, trên địa bàn tỉnh chưa có hải đảo được lập hồ sơ. Kế hoạch thực hiện việc lập và quản lý hồ sơ tài nguyên hải đảo thuộc Danh mục các đề án, dự án, nhiệm vụ triển khai Kế hoạch thực hiện Chương trình hành động số 22-CTr/TU.

Trên địa bàn thành phố Quy Nhơn hiện có một số đảo đang được khai thác phát triển du lịch như: Cù Lao Xanh, Hòn Khô, Hòn Sẹo... Trong đó, chỉ có Cù Lao Xanh (xã Nhơn Châu) có dân cư sinh sống, đã được thống kê, kiểm kê định kỳ diện tích đất đai là 362,14 ha. Công tác bảo tồn đã được thực hiện tại một số đảo thông qua việc các tổ chức cộng đồng được công nhận, giao quyền quản lý và thực hiện đồng quản lý trong bảo vệ nguồn lợi thủy sản tại khu vực phía Tây Hòn Khô Nhỏ, xã Nhơn Hải, khu vực biển Hòn Nhàn, phường Ghềnh Ráng và khu vực biển Bãi Trước, xã Nhơn Châu, thành phố Quy Nhơn theo quy định của Luật Thủy sản.

Công tác lập hồ sơ tài nguyên hải đảo đòi hỏi nguồn kinh phí lớn, đồng thời chưa có quy định cụ thể cơ quan có thẩm quyền xác định và công bố đường mép nước biển thấp nhất trung bình nhiều năm của các đảo nhỏ, xã đảo nên chưa thể thực hiện.

Theo quy định tại điểm e khoản 2 Điều 5 Thông tư số 18/2016/TT-BTNMT²⁶ thì diện tích của đảo tính từ đường mép nước biển thấp nhất trung bình trong nhiều năm, đồng thời khoản 3 Điều 3 Nghị định số 11/2021/NĐ-CP quy định Bộ Tài nguyên và Môi trường chỉ xác định, công bố đường mép nước biển thấp nhất trung bình trong nhiều năm, đường ranh giới ngoài của vùng biển 03 hải lý, vùng biển 06 hải lý của đảo có diện tích lớn nhất thuộc các huyện đảo. Trong khi đó, qua quá trình nghiên cứu, khảo sát các hải đảo trên địa bàn tỉnh thuộc đảo nhỏ, chỉ có 01 xã đảo Nhơn Châu, không có huyện đảo. Vì vậy, công tác lập hồ sơ tài nguyên hải đảo chưa thể triển khai vì thiếu quy định thẩm quyền xác định và công bố đường mép nước biển thấp nhất trung bình nhiều năm của các đảo nhỏ, xã đảo.

7. Việc thực hiện quy định về kiểm soát ô nhiễm, ứng phó sự cố tràn dầu, hóa chất độc trên biển và nhận chìm ở biển

a) Điều tra, thống kê, phân loại, đánh giá các nguồn thải

Về công tác thống kê nguồn thải từ đất liền và từ các hoạt động trên biển và hải đảo, UBND tỉnh chỉ đạo Sở Tài nguyên và Môi trường tiếp tục thực hiện công tác quản lý và cập nhật cơ sở dữ liệu về các nguồn thải (khí thải, nước thải, chất thải rắn, chất thải nguy hại) của các cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ trên địa bàn tỉnh (được xây dựng vào năm 2016). Đến nay, hệ cơ sở dữ liệu nguồn thải tỉnh Bình Định đang vận hành và lưu trữ dữ liệu về nguồn thải đối với khoảng 370 cơ sở trên địa bàn tỉnh (trong đó có một số cơ sở hoạt động ven biển, chủ yếu tập trung lĩnh vực khách sạn, khu du lịch, nuôi trồng thủy sản). Bên cạnh đó, Sở Tài nguyên và Môi trường đã triển khai “Nghiên cứu, điều tra, kiểm soát nguồn

²⁶ Thông tư số 18/2016/TT-BTNMT ngày 25/7/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết về hồ sơ tài nguyên hải đảo, hướng dẫn việc lập và quản lý hồ sơ tài nguyên hải đảo

thải trực tiếp gây suy thoái tài nguyên, ô nhiễm môi trường vùng biển ven bờ tỉnh Bình Định” (2021 - 2022). Qua đó đã khảo sát thu mẫu, thống kê, phân loại, đánh giá nước thải tại 66 điểm xả thải thuộc 33 xã, phường, thị trấn nằm ở ven sông và ven biển trên địa bàn tỉnh.

Căn cứ kết quả nhiệm vụ “Quan trắc môi trường nước biển ven bờ và trầm tích biển tỉnh Bình Định năm 2023” cho thấy: Về chất lượng môi trường nước biển ven bờ, việc quan trắc chất lượng môi trường nước biển ven bờ được tập trung tại các vùng biển có hoạt động vận tải biển, các khu nuôi trồng thủy sản và gần các khu du lịch biển để xem xét ảnh hưởng của các hoạt động đến môi trường nước biển ven bờ trên địa bàn tỉnh. Qua kết quả quan trắc cho thấy hầu như tất cả các thông số của nước biển ven bờ tại các vùng biển trên địa bàn tỉnh có giá trị nằm trong giá trị giới hạn cho phép theo Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước biển QCVN 10:2023/BTNMT. Tuy nhiên, vào thời điểm quan trắc đợt 1, tại tầng mặt vùng biển Cảng Quy Nhơn và Mỹ Thành có hàm lượng Amoni là 0,14 (mg/l) và tại tầng mặt vùng biển Nhơn Lý và tầng đáy vùng biển Hoài Hương có hàm lượng Amoni là 0,15 (mg/l) vượt giới hạn cho phép. Bên cạnh đó, tất cả vùng biển đều có sự xuất hiện của Sắt. Qua đó cho thấy các hoạt động vận tải biển, các khu nuôi trồng thủy sản và các khu du lịch biển ít nhiều đã ảnh hưởng đến chất lượng nước biển ven bờ. Về chất lượng môi trường trầm tích biển, việc quan trắc chất lượng môi trường trầm tích biển được quan trắc song song và cùng vị trí với quan trắc nước biển ven bờ. Qua kết quả quan trắc cho thấy hầu như tất cả các thông số của trầm tích biển tại các vùng trên địa bàn tỉnh có giá trị nằm trong giá trị giới hạn cho phép theo Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng trầm tích QCVN 43:2017/BTNMT. Các thông số được phân tích đều ở mức thấp và có sự đồng đều giữa các vùng biển. Qua đó cho thấy chất lượng môi trường trầm tích biển đang ở mức tốt và ổn định, chưa bị ảnh hưởng nhiều bởi các hoạt động của con người.

b) Việc phòng ngừa, ứng phó, khắc phục sự cố tràn dầu, hóa chất độc trên biển

Trong năm 2023, UBND tỉnh đã xây dựng Kế hoạch số 108/KH-UBND ngày 08/6/2023 về ứng phó sự cố tràn dầu (UPSCTD) tỉnh Bình Định và được Ủy ban quốc gia Ứng phó sự cố, thiên tai và tìm kiếm cứu nạn phê duyệt²⁷. Bên cạnh đó, năm 2021, UBND tỉnh đã xây dựng Kế hoạch ứng phó sự cố hóa chất trên địa bàn tỉnh²⁸.

Tính đến thời điểm hiện tại, UBND tỉnh đã phê duyệt Kế hoạch UPSCTD cho 06 cảng, cơ sở hoạt động ven biển bao gồm: Cảng Xăng dầu Quy Nhơn của Công ty Xăng dầu Bình Định; Cảng Quy Nhơn của Công ty TNHH MTV Cảng Quy Nhơn (nay là Công ty CP Cảng Quy Nhơn); Cảng Thị Nại của Công ty cổ phần Cảng Thị Nại; Cảng Tân Cảng Miền Trung của Công ty TNHH MTV Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn, Tàu bán lẻ xăng dầu trên mặt nước của Công ty cổ

²⁷ Quyết định số 351/QĐ-UB ngày 13/6/2023 của Ủy ban quốc gia Ứng phó sự cố, thiên tai và tìm kiếm cứu nạn

²⁸ Quyết định số 5034/QĐ-UBND ngày 17/12/2021 của UBND tỉnh.

phần Xăng dầu Quy Nhơn và Tàu bán lẻ xăng dầu trên mặt nước của Công ty cổ phần Đầu tư Xuất nhập khẩu và Dịch vụ vận tải Minh Phương.

Về trang thiết bị UPSCTD trên địa bàn tỉnh hiện nay chủ yếu là các phương tiện, trang thiết bị phục vụ công tác phòng, chống lụt, bão và tìm kiếm cứu nạn có thể được huy động và tận dụng để phục vụ công tác UPSCTD. Ngoài ra, trên địa bàn tỉnh hiện có một số cơ sở, tổ chức, doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực cảng biển, kinh doanh xăng dầu, vận tải biển, hàng không đã đầu tư một số phương tiện, trang thiết bị UPSCTD có thể được huy động cho công tác UPSCTD tại địa phương như: Công ty Xăng dầu Bình Định; Công ty TNHH Vận tải biển Cửu Long; Công ty cổ phần Cảng Quy Nhơn; Công ty cổ phần Cảng Thị Nại, Công ty cổ phần PETEC Bình Định; Chi nhánh công ty TNHH MTV nhiên liệu hàng không Việt Nam (Skypec) tại Bình Định.

Về nguồn lực UPSCTD tỉnh, căn cứ theo Phương án sắp xếp các tổ chức phối hợp liên ngành thuộc UBND tỉnh²⁹ và các quy định của Kế hoạch Quốc gia UPSCTD³⁰, UBND tỉnh đã chỉ đạo các sở, ban, ngành, đơn vị liên quan thực hiện sáp nhập Ban Chỉ đạo UPSCTD tỉnh vào Ban Chỉ huy Phòng chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn (PCTT và TKCN) tỉnh và thống nhất cơ cấu tổ chức UPSCTD trên địa bàn tỉnh theo quy định của Kế hoạch Quốc gia UPSCTD như sau: cơ quan lãnh đạo, chỉ đạo công tác UPSCTD ở cấp tỉnh là Ban Chỉ huy PCTT và TKCN tỉnh; cơ quan Quân sự cấp tỉnh là cơ quan thường trực UPSCTD cấp tỉnh; cơ quan Quân sự cấp huyện, thị xã, thành phố là cơ quan thường trực UPSCTD cấp huyện, thị xã, thành phố. Hiện nay, UBND tỉnh đã thành lập Ban Chỉ huy Phòng chống thiên tai - Tìm kiếm cứu nạn và Phòng thủ dân sự (PCTT - TKCN và PTDS) tỉnh³¹, đồng thời Trưởng ban Ban Chỉ huy PCTT-TKCN và PTDS tỉnh đã ban hành Quy chế hoạt động của Ban Chỉ huy³² và phân công nhiệm vụ thành viên Ban Chỉ huy³³. Theo đó, Phó Trưởng ban Ban Chỉ huy PCTT - TKCN và PTDS tỉnh - Chỉ huy trưởng Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh chỉ đạo, điều hành hoạt động của Cơ quan thường trực Ban Chỉ huy về lĩnh vực tìm kiếm cứu nạn trên đất liền, trên sông và phòng thủ dân sự trên địa bàn tỉnh, đồng thời là Cơ quan thường trực ứng phó sự cố tràn dầu cấp tỉnh. Ngoài ra, theo Kế hoạch UPSCTD tỉnh đã được phê duyệt thì Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh là cơ quan thường trực UPSCTD cấp tỉnh, có nhiệm vụ tham mưu, giúp BCH PCTT - TKCN và PTDS tỉnh tổ chức triển khai thực hiện công tác UPSCTD cấp tỉnh theo Kế hoạch, đồng thời là lực lượng nòng cốt UPSCTD trên đất liền; Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh là lực lượng nòng cốt UPSCTD trên biển và trên sông (bao gồm cả khu vực cảng biển, ven bờ biển, đầm và hồ chứa nước). Vì vậy, trong thời gian tới, nguồn lực UPSCTD tỉnh chủ yếu là lực lượng cơ quan quân sự cấp tỉnh, huyện, thị xã và thành phố, đồng thời, khi cần thiết, UBND tỉnh có thể huy động nguồn lực từ các cơ quan Trung ương trên địa

²⁹ Quyết định số 4649/QĐ-UBND ngày 13/12/2019 của UBND tỉnh

³⁰ Quyết định số 133/QĐ-TTg ngày 17/01/2020 của Thủ tướng Chính phủ

³¹ Quyết định số 1923/QĐ-UBND ngày 12/5/2021 và Quyết định số 1117/QĐ-UBND ngày 11/4/2023 của UBND tỉnh

³² Quyết định số 169/QĐ-BCH ngày 29/7/2021 của Trưởng ban Ban Chỉ huy PCTT-TKCN và PTDS tỉnh

³³ Quyết định số 61/QĐ-BCH ngày 13/6/2023 và Quyết định số 3075/QĐ-UBND ngày 18/8/2023 của Trưởng ban Ban Chỉ huy PCTT-TKCN và PTDS tỉnh

bàn tỉnh, các cơ sở, tổ chức, doanh nghiệp có đầu tư trang thiết bị UPSCTD (trong đó có Công ty Xăng dầu Bình Định và Công ty TNHH Vận tải biển Cửu Long có lực lượng UPSCTD được đào tạo về nghiệp vụ) và nhờ sự hỗ trợ từ Trung tâm UPSCTD khu vực miền Trung.

Về công tác tập huấn, diễn tập, các doanh nghiệp khai thác cảng biển chủ động tổ chức triển khai định kỳ theo kế hoạch; bảo đảm chuyên nghiệp, thành thạo trong công tác UPSCTD. Nhìn chung, công tác diễn tập đạt kết quả tốt; góp phần nâng cao năng lực ứng phó, tinh thần trách nhiệm của lực lượng tại cơ sở. Bên cạnh đó, trong năm 2023, Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh đã tham mưu UBND tỉnh triển khai luyện tập thực binh tổ chức xử lý tàu bị tràn dầu và diễn tập, quay phim phân cảnh khắc phục hậu quả sự cố tràn dầu (hướng dẫn các hoạt động bảo vệ môi trường trong khắc phục và làm sạch đường bờ, quản lý chất thải nhiễm dầu sau khi thu gom,...) thuộc Kế hoạch tổ chức diễn tập ứng phó sự cố chìm tàu vận tải biển và sự cố tràn dầu trong diễn tập phòng thủ dân sự tỉnh năm 2023. Ngoài ra, Sở Tài nguyên và Môi trường tham mưu phối hợp với các đơn vị liên quan tổ chức các lớp đào tạo nghiệp vụ bảo vệ môi trường trong kinh doanh xăng dầu cho cán bộ quản lý, nhân viên trực tiếp kinh doanh trong lĩnh vực xăng dầu trên địa bàn tỉnh³⁴.

Trong thời gian qua, trên địa bàn thành phố Quy Nhơn có 02 sự cố tràn dầu như sau:

- Sự cố tràn dầu do tàu đánh cá bị chìm tại bờ biển Trung tâm khoa học quốc tế và giáo dục liên ngành thuộc khu vực 2, phường Ghềnh Ráng vào ngày 19/7/2016. Lượng dầu tràn là khoảng 2 lít dầu DO. Phạm vi ảnh hưởng: xung quanh tàu trong bán kính 20 m. Thiệt hại thực tế: không có. Hoạt động ứng phó, khắc phục: yêu cầu chủ tàu tát nước, khắc phục lỗ thủng trên tàu để làm nổi tàu và di chuyển tàu đến xưởng sửa chữa. Theo kết quả quan trắc chỉ tiêu dầu, mỡ khoáng thì sau khi di chuyển tàu đã không còn phát hiện dầu;

- Sự cố dầu vón cục không rõ nguyên nhân xuất hiện trên bãi biển khu FLC Luxury Hotel Quy Nhơn, xã Nhơn Lý vào ngày 26/01/2017. Lượng dầu thu gom được là khoảng 5,2 tấn cát nhiễm dầu. Phạm vi ảnh hưởng: phân bố rải rác trên phạm vi chiều dài bãi biển tại khu vực của FLC Luxury Hotel Quy Nhơn (khoảng hơn 400 m) và kéo dài dọc bờ biển xã Nhơn Lý. Thiệt hại thực tế: không có. Hoạt động ứng phó, khắc phục: thu gom cát nhiễm dầu và xử lý tại Nhà máy tái chế và xử lý chất thải nguy hại Hậu Sanh.

c) Việc quản lý nhà nước về nhận chìm ở biển

Việc xác định, công bố danh mục địa điểm đổ chất nạo vét ngoài biển thuộc phạm vi quản lý của tỉnh chưa thể thực hiện vì Quy hoạch tổng thể khai thác, sử dụng bền vững tài nguyên vùng bờ (có nội dung phân vùng khu vực biển sử dụng để nhận chìm³⁵) chưa được ban hành, đồng thời để xác định và công bố khu vực đổ thải, vị trí nhận chìm thì yêu cầu phải có nguồn kinh phí lớn phục vụ công tác điều tra, khảo sát; phải tính toán, phân tích khoa học và thực tiễn đối với phương

³⁴ Năm 2017 và 2018: 459 học viên; Năm 2022: 529 học viên; Năm 2023: 182 học viên.

³⁵ Theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 27 Luật Tài nguyên, môi trường biển và hải đảo

án đồ trên bờ và nhận chìm dưới biển. Bên cạnh đó, việc quy định UBND cấp tỉnh có trách nhiệm quy định, công bố địa điểm đổ chất nạo vét từ hệ thống giao thông đường thủy nội địa và đường biển³⁶ gặp vướng mắc vì UBND cấp tỉnh chỉ có thẩm quyền cấp phép nhận chìm ở biển và giao khu vực biển cho hoạt động nhận chìm trong phạm vi vùng biển 06 hải lý tính từ đường mép nước biển thấp nhất trung bình trong nhiều năm của đất liền và các đảo, trong khi thẩm quyền của Bộ Tài nguyên và Môi trường là khu vực biển liên vùng, khu vực biển có phạm vi nằm ngoài vùng biển 06 hải lý tính từ đường mép nước biển thấp nhất trung bình trong nhiều năm của đất liền và các đảo³⁷. Theo đó, UBND cấp tỉnh không thể công bố cả trường hợp thuộc thẩm quyền của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

Tình hình cấp phép hoạt động nhận chìm ở biển thuộc phạm vi quản lý (Chi tiết tại Biểu mẫu 03).

d) Việc đánh giá kết quả hoạt động kiểm soát ô nhiễm môi trường biển và hải đảo

Thực hiện Thông tư số 27/2016/TT-BTNMT³⁸, UBND tỉnh đã thực hiện đánh giá và công bố kết quả đánh giá hoạt động kiểm soát ô nhiễm môi trường biển và hải đảo trên địa bàn tỉnh hằng năm từ năm 2017 đến nay trên Cổng thông tin điện tử của UBND tỉnh và Trang thông tin điện tử của Sở Tài nguyên và Môi trường³⁹.

đ) Việc xây dựng báo cáo hiện trạng môi trường biển và hải đảo của tỉnh

Công tác báo cáo hiện trạng môi trường biển và hải đảo được UBND tỉnh lồng ghép trong 02 báo cáo định kỳ hằng năm là Báo cáo công tác bảo vệ môi trường⁴⁰ và Báo cáo tình hình quản lý tổng hợp tài nguyên và bảo vệ môi trường biển và hải đảo.

e) Đánh giá về việc thực hiện quy định về kiểm soát ô nhiễm, ứng phó sự cố tràn dầu, hóa chất độc trên biển và nhận chìm ở biển

Về tình hình triển khai công tác kiểm soát ô nhiễm, UPSCTD, hoá chất độc trên biển hiện nay vẫn chưa hiệu quả vì còn tồn tại sự chồng lấn nhiệm vụ và quy định nhiệm vụ chưa cụ thể, rõ ràng giữa cơ quan tham mưu công tác bảo vệ môi trường và cơ quan tham mưu công tác quản lý tổng hợp tài nguyên, bảo vệ môi trường biển và hải đảo trong nội bộ cơ cấu tổ chức Bộ Tài nguyên và Môi trường;

³⁶ Theo khoản 6 Điều 65 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 và khoản 2 Điều 47 Nghị định số 159/2018/NĐ-CP của Chính phủ về quản lý hoạt động nạo vét trong vùng nước cảng biển và vùng nước đường thủy nội địa

³⁷ Theo khoản 2 Điều 60 Luật Tài nguyên, môi trường biển và hải đảo, khoản 2 Điều 8 Nghị định số 40/2016/NĐ-CP và Điều 8 Nghị định số 11/2021/NĐ-CP

³⁸ Thông tư số 27/2016/TT-BTNMT ngày 29/9/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết bộ chỉ số và việc đánh giá kết quả hoạt động kiểm soát ô nhiễm môi trường biển và hải đảo

³⁹ Các báo cáo và quyết định đánh giá từ năm 2017 đến nay lần lượt là: Báo cáo số 119/BC-UBND ngày 01/8/2018; Báo cáo số 63/BC-UBND ngày 22/4/2019; Quyết định số 3993/QĐ-UBND ngày 28/9/2020; Quyết định số 5097/QĐ-UBND ngày 21/12/2021; Quyết định số 4330/QĐ-UBND ngày 21/12/2022; Quyết định số 3431/QĐ-UBND ngày 15/9/2023; Quyết định số 1236/QĐ-UBND ngày 08/4/2024.

⁴⁰ Các báo cáo liên quan từ năm 2017 đến nay lần lượt là: Báo cáo số 46/BC-UBND ngày 09/5/2018; Báo cáo số 50/BC-UBND ngày 04/4/2019; Báo cáo số 07/BC-UBND ngày 21/01/2020; Báo cáo số 10/BC-UBND ngày 19/01/2021; Báo cáo số 09/BC-UBND ngày 19/01/2022; Báo cáo số 18/BC-UBND ngày 21/02/2023; Báo cáo số 16/BC-UBND ngày 19/02/2024.

giữa Bộ Tài nguyên và Môi trường và các Bộ, ngành Trung ương dẫn đến khó khăn, vướng mắc cho UBND tỉnh trong việc chỉ đạo Sở Tài nguyên và Môi trường và các cơ quan, đơn vị liên quan tham mưu các nội dung liên quan. Đối với hoạt động nhận chìm ở biển, ngoại trừ 02 trường hợp đã cấp phép năm 2017 thì hiện nay, đối với vật, chất phát sinh từ các hoạt động nạo vét khu nước, vùng nước trước cầu cảng của các cảng biển trên địa bàn tỉnh đều được UBND tỉnh chỉ đạo thực hiện phương án ưu tiên tận dụng san lấp các dự án ven đầm, ven biển có nhu cầu sử dụng theo chủ trương của Bộ Tài nguyên và Môi trường⁴¹ nhằm tránh lãng phí tài nguyên, vừa hạn chế ô nhiễm môi trường biển, hạn chế ảnh hưởng đến các hệ sinh thái biển và du lịch biển ở thành phố Quy Nhơn, đồng thời hoàn toàn phù hợp với thực tế vì việc nhận chìm vật, chất ở biển chưa được phần lớn người dân nhận thức rõ bao gồm một số cơ quan báo chí, nên gặp khó khăn trong triển khai vì thiếu sự đồng thuận, dễ tạo dư luận không tốt.

Đối với công tác kiểm soát ô nhiễm môi trường biển, hải đảo thì Luật Tài nguyên, môi trường biển và hải đảo có quy định “3. **Các nguồn thải từ đất liền, từ các hoạt động trên biển và hải đảo, chất thải không rõ nguồn gốc và xuyên biên giới phải được kiểm soát...**”⁴², “1. **Điều tra, thống kê, phân loại, đánh giá các nguồn thải từ đất liền, từ các hoạt động trên biển và hải đảo...**”⁴³, đồng thời Điều 46 có quy định nội dung kiểm soát ô nhiễm môi trường biển từ đất liền. Bên cạnh đó, trong Luật Tài nguyên, môi trường biển và hải đảo có quy định một số nội dung liên quan thực hiện “*theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường*”⁴⁴. Ngoài ra, Luật Bảo vệ môi trường có điều 11 quy định về bảo vệ môi trường nước biển. Qua đó, cho thấy có sự hạn chế, bất cập trong quy định pháp luật về kiểm soát, bảo vệ môi trường biển và hải đảo khi được điều chỉnh bởi 02 Luật, đồng thời, công tác kiểm soát ô nhiễm môi trường biển, hải đảo phải bao gồm cả một số hoạt động triển khai trên đất liền (vì phần lớn ô nhiễm biển có nguồn gốc từ trên đất liền). Điều này dẫn đến sự chồng lán nhiệm vụ giữa cơ quan tham mưu công tác bảo vệ môi trường và cơ quan tham mưu công tác quản lý tổng hợp tài nguyên, bảo vệ môi trường biển và hải đảo trong nội bộ ngành tài nguyên và môi trường.

Đối với hoạt động UPSCTD, hóa chất độc trên biển thì Mục 2 Luật Tài nguyên, môi trường biển và hải đảo có quy định về nội dung này, đồng thời tại khoản 8 Điều 52 quy định “8. **Việc phòng ngừa, khắc phục, xử lý sự cố tràn dầu, hóa chất độc trên biển thực hiện theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường và pháp luật có liên quan**”. Tuy nhiên, tại Luật Bảo vệ môi trường không có quy định nội dung liên quan đến hoạt động ứng phó sự cố tràn dầu. Qua đó cho thấy sự bất cập khi hiện tại chỉ có Luật Tài nguyên, môi trường biển và hải đảo là có quy định về ứng phó sự cố tràn dầu trên biển, trong khi trên đất liền thì chưa thấy Luật nào đề cập. Bên cạnh đó, theo quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền

⁴¹ Theo văn bản số 255/BTNMT-TCBHQVN ngày 16/01/2019 về việc phối hợp thực hiện trong quản lý nhà nước về tài nguyên, bảo vệ môi trường biển và hải đảo

⁴² Khoản 3 Điều 42 Luật Tài nguyên, môi trường biển và hải đảo

⁴³ Khoản 1 Điều 43 Luật Tài nguyên, môi trường biển và hải đảo

⁴⁴ Khoản 1 Điều 44, khoản 1 và 9 Điều 45, khoản 2 Điều 46, khoản 2 Điều 51 và khoản 8 Điều 52 Luật Tài nguyên, môi trường biển và hải đảo

hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài nguyên và Môi trường⁴⁵ thì chỉ có quy định nhiệm vụ “*triển khai các hoạt động giám sát, đánh giá rủi ro, khắc phục và giải quyết hậu quả sự cố tràn dầu, hóa chất độc trên biển*”⁴⁶, không đề cập đến các nội dung liên quan đối với sự cố tràn dầu trên đất liền. Ngoài ra, các Bộ, ngành Trung ương chưa ban hành đầy đủ các văn bản hướng dẫn liên quan⁴⁷. Theo quy định, cơ quan thường trực UPSCTD cấp tỉnh là cơ quan Quân sự cấp tỉnh. Tuy nhiên, theo thực tế, lực lượng cơ quan Quân sự cấp tỉnh chưa chủ động tham mưu đầu tư phương tiện, trang thiết bị, nâng cao nghiệp vụ chuyên môn UPSCTD vì tồn tại bất cập về thiếu quy định của Bộ Quốc phòng nên chưa thực hiện đúng trách nhiệm thường trực UPSCTD cấp tỉnh. Điều đó dẫn đến khả năng UPSCTD cấp tỉnh vẫn phụ thuộc vào nguồn lực Trung ương (Trung tâm UPSCTD khu vực miền Trung) là chính. Đồng thời, Bộ Tài nguyên và Môi trường được quy định là cơ quan tham mưu công tác khắc phục sự cố tràn dầu, tuy nhiên trong cơ cấu tổ chức không có lực lượng thực hiện công tác khắc phục ngoài hiện trường. Điều đó dẫn đến công tác khắc phục chông chéo về cơ quan tham mưu chuyên môn và cơ quan triển khai hoạt động khắc phục ngoài thực địa. Thông tư số 33/2018/TT-BTNMT⁴⁸ quy định về trường hợp phải lập kế hoạch khắc phục hậu quả sự cố tràn dầu trên biển khó triển khai trong thực tế vì mất nhiều thời gian thực hiện nhiều hoạt động liên quan⁴⁹, đồng thời quy định chưa rõ ràng về vùng có mức độ tổn thương và tỷ lệ diện tích vùng có mức độ tổn thương⁵⁰.

Đối với hoạt động nhận chìm ở biển, thực tế trong thời gian qua, tỉnh Bình Định chủ yếu phải xử lý vật, chất phát sinh từ hoạt động nạo vét khu nước, vùng nước trước cầu cảng của các cảng biển và luồng hàng hải Quy Nhơn (thuộc danh mục vật, chất được nhận chìm ở biển theo khoản 1 Điều 60 Nghị định số 40/2016/NĐ-CP). Tuy nhiên, theo Luật Tài nguyên, môi trường biển và hải đảo, vật, chất chỉ được nhận chìm khi không có phương án xử lý khả thi trên đất liền (theo điểm c khoản 1 Điều 58). Vấn đề này cũng được Bộ Tài nguyên và Môi trường chỉ đạo trong văn bản số 255/BTNMT-TCBHĐVN là ưu tiên xử lý chất nạo vét để san lấp mặt bằng các dự án ven biển. Bên cạnh đó, trường hợp không có phương án xử lý khả thi trên đất liền, thì Luật Tài nguyên, môi trường biển và hải đảo cũng quy định hoạt động nhận chìm chỉ được thực hiện khi cơ quan quản

⁴⁵ Nghị định số 68/2022/NĐ-CP ngày 22/9/2022 của Chính phủ

⁴⁶ Điểm 1 khoản 13 Điều 2 Nghị định số 68/2022/NĐ-CP

⁴⁷ Các văn bản hướng dẫn cụ thể quy trình thẩm định, phê duyệt Kế hoạch UPSCTD cấp cơ sở, cấp huyện; hướng dẫn xây dựng, cập nhật bản đồ nhạy cảm môi trường theo địa bàn quản lý và định kỳ cập nhật hệ thống bản đồ nhạy cảm môi trường khu vực ven biển và các hải đảo của Việt Nam; điều tra, đánh giá, xác định thiệt hại và lập hồ sơ bồi thường thiệt hại về môi trường, xây dựng và thực hiện kế hoạch phục hồi môi trường do dầu tràn; hướng dẫn các địa phương xác minh nguyên nhân tràn dầu chưa rõ nguồn gốc xảy ra tại địa bàn.

⁴⁸ Thông tư số 33/2018/TT-BTNMT ngày 26/12/2018 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định quy trình khắc phục hậu quả sự cố tràn dầu trên biển

⁴⁹ Để xác định trường hợp phải lập kế hoạch khắc phục hậu quả sự cố tràn dầu phải mất 30 - 60 ngày kể từ khi có báo cáo kết thúc sự cố tràn dầu, trong thời gian đó phải tổ chức nhiều hoạt động bao gồm: Điều tra, đánh giá sơ bộ mức độ ô nhiễm môi trường biển; Đánh giá chi tiết mức độ ô nhiễm môi trường biển; Theo dõi diễn biến ô nhiễm môi trường. Đặt trường hợp sự cố tràn dầu nghiêm trọng thì việc phải tiến hành nhiều hoạt động điều tra, đánh giá, theo dõi (với nhiều nội dung khác nhau) sẽ vô tình làm ảnh hưởng môi trường từ sự cố diễn ra trầm trọng hơn.

⁵⁰ Tại điểm b khoản 1 Điều 13 quy định một trong 02 trường hợp phải lập kế hoạch khắc phục sự cố tràn dầu là: “*Tổng diện tích các tiểu vùng có mức độ tổn thương thấp chiếm tỷ lệ lớn hơn 15% tổng diện tích khu vực điều tra, đánh giá chi tiết*”. Nội dung này chưa rõ ràng cần quy định cụ thể hơn về vùng có mức độ tổn thương và tỷ lệ diện tích vùng có mức độ tổn thương.

lý nhà nước có thẩm quyền cấp phép (khoản 1 Điều 57), đồng thời khu vực biển sử dụng để nhận chìm phải phù hợp với Quy hoạch tổng thể khai thác, sử dụng bền vững tài nguyên vùng bờ (khoản 3 Điều 57). Tuy nhiên, Quy hoạch này vẫn chưa được ban hành nên khu vực biển sử dụng để nhận chìm phải căn cứ vào hồ sơ môi trường được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt (theo điểm c khoản 1 Điều 49 Nghị định số 40/2016/NĐ-CP). Ngoài ra, Chương VIII Nghị định số 40/2016/NĐ-CP quy định các nội dung về cấp, cấp lại, gia hạn, sửa đổi, bổ sung, cho phép trả lại, thu hồi giấy phép nhận chìm ở biển chưa cập nhật các quy định mới về hồ sơ thủ tục pháp lý về môi trường theo Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, mẫu bản đồ khu vực biển đề nghị sử dụng để nhận chìm theo Nghị định số 11/2021/NĐ-CP và nội dung lồng ghép thủ tục giao khu vực biển, gia hạn thời hạn giao khu vực biển, sửa đổi, bổ sung Quyết định giao khu vực biển sử dụng để nhận chìm ở biển trong quá trình giải quyết thủ tục cấp, gia hạn Giấy phép nhận chìm ở biển, sửa đổi, bổ sung Giấy phép nhận chìm ở biển trong trường hợp thay đổi ranh giới, diện tích khu vực biển sử dụng để nhận chìm theo khoản 1 Điều 14 Nghị định số 11/2021/NĐ-CP.

8. Việc thực hiện quy định về quan trắc, giám sát tổng hợp và hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu về tài nguyên, môi trường biển và hải đảo

Năm 2017, UBND tỉnh đã xây dựng quy hoạch mạng lưới quan trắc môi trường tỉnh đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2030⁵¹. Theo đó đã quy hoạch 13 điểm quan trắc môi trường nước biển ven bờ và 01 Trạm quan trắc tự động môi trường nước biển ven bờ tại thành phố Quy Nhơn. Hằng năm, Sở Tài nguyên và Môi trường tham mưu triển khai hoạt động quan trắc tại các điểm quan trắc được phê duyệt. Bên cạnh đó, tỉnh đã hoàn thành công trình Trạm quan trắc tự động môi trường nước biển ven bờ tại thành phố Quy Nhơn và Trung tâm điều hành, quản lý dữ liệu quan trắc môi trường (tại Trung tâm Quan trắc tài nguyên và Môi trường thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường). Ngoài ra, Sở Tài nguyên và Môi trường đã lắp đặt xong Hệ thống quản lý dữ liệu quan trắc tự động các nguồn thải trên địa bàn tỉnh (vào cuối năm 2018). Đối với hệ thống thông tin về tài nguyên, môi trường biển và hải đảo, Sở Tài nguyên và Môi trường đã tham mưu triển khai nhiệm vụ “Xây dựng cơ sở dữ liệu và hệ thống thông tin tổng hợp phục vụ công tác quản lý tổng hợp tài nguyên và bảo vệ môi trường biển, hải đảo tỉnh Bình Định”.

Công tác xây dựng cơ sở dữ liệu tài nguyên, môi trường biển và hải đảo đã được triển khai qua nhiệm vụ “Xây dựng cơ sở dữ liệu và hệ thống thông tin tổng hợp phục vụ công tác quản lý tổng hợp tài nguyên và bảo vệ môi trường biển, hải đảo tỉnh Bình Định” (hoàn thành năm 2021). Tuy nhiên, hệ cơ sở dữ liệu chưa được đầu tư cơ sở hạ tầng để vận hành. Hiện nay, UBND tỉnh đang chỉ đạo cơ quan chuyên môn tham mưu nghiên cứu sử dụng Hệ thống hạ tầng dùng chung của tỉnh để vận hành hệ cơ sở dữ liệu. Tính đến thời điểm hiện tại chưa phát sinh hồ sơ đề nghị khai thác, sử dụng cơ sở dữ liệu của tổ chức, cá nhân.

Hiện nay, công tác quan trắc, giám sát tổng hợp chủ yếu là yếu tố môi trường nước biển ven bờ (chưa thực hiện đối với yếu tố tài nguyên biển và hải

⁵¹ Quyết định số 4848/QĐ-UBND ngày 27/12/2017 của UBND tỉnh

đảo). Hệ thống quan trắc tự động không đủ năng lực quan trắc toàn bộ vùng biển trên địa bàn tỉnh (chỉ có 01 trạm ở thành phố Quy Nhơn). Hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu tài nguyên, môi trường biển và hải đảo chưa có cơ sở hạ tầng để vận hành, đồng thời cơ sở dữ liệu chưa được cập nhật từ năm 2021 đến hiện tại. Tất cả khó khăn, vướng mắc đều liên quan đến vấn đề kinh phí vì chủ yếu là từ ngân sách tỉnh.

Theo Điều 65 Luật Tài nguyên, môi trường biển và hải đảo, khoản 1 quy định “1. Hệ thống quan trắc, giám sát tổng hợp tài nguyên, môi trường biển và hải đảo được thiết lập trên cơ sở kết nối các **hệ thống quan trắc, giám sát tài nguyên, môi trường biển và hải đảo của bộ, ngành, địa phương**”, tuy nhiên, nguồn lực tinh hạn chế nên chưa thể xây dựng hệ thống quan trắc, giám sát tài nguyên biển và hải đảo của địa phương; khoản 2 quy định “2. Hệ thống quan trắc, giám sát tổng hợp tài nguyên, môi trường biển và hải đảo là một hệ thống mở, kết nối và chia sẻ thông tin **bảo đảm thông suốt từ trung ương đến địa phương**” và khoản 3 quy định Bộ Tài nguyên và Môi trường chủ trì lập, trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt hệ thống quan trắc, giám sát tổng hợp tài nguyên, môi trường biển và hải đảo, tuy nhiên hiện tại, tỉnh vẫn chưa được tiếp cận hệ thống quan trắc, giám sát tổng hợp tài nguyên, môi trường biển và hải đảo.

Theo Luật Tài nguyên, môi trường biển và hải đảo, khoản 3 Điều 68 quy định Bộ Tài nguyên và Môi trường chủ trì xây dựng cơ sở dữ liệu tài nguyên, môi trường biển và hải đảo quốc gia, đồng thời khoản 2 Điều 70 quy định “2. **Dữ liệu tài nguyên, môi trường biển và hải đảo được trao đổi, chia sẻ giữa các bộ, cơ quan ngang bộ và Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương có biển...**”. Tuy nhiên, hiện nay, tỉnh chưa được tiếp cận cơ sở dữ liệu tài nguyên, môi trường biển và hải đảo của Bộ Tài nguyên và Môi trường cũng như của quốc gia.

9. Việc hợp tác quốc tế về tài nguyên, môi trường biển, hải đảo

Trong thời gian qua, trên địa bàn tỉnh đã và đang triển khai một số dự án hợp tác quốc tế sau:

- Dự án “Quản lý, bảo vệ hệ sinh thái rạn san hô vùng biển ven bờ gắn với phát triển du lịch sinh thái cộng đồng tại xã Nhơn Hải, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định” do Quỹ Môi trường toàn cầu tài trợ (2015 - 2017);

- Dự án “Tăng cường khả năng phục hồi của cộng đồng ngư dân quy mô nhỏ và hệ sinh thái biển tại khu bảo tồn biển cấp địa phương, tỉnh Bình Định, Việt Nam” do Quỹ Tài chính ADM Hồng Kông tài trợ (2016 - 2019);

- Dự án “Nâng cao năng lực của các tổ chức cộng đồng địa phương gắn với giao quyền quản lý, bảo vệ rạn san hô tại vùng biển ven bờ thuộc Vịnh Quy Nhơn” do Quỹ Môi trường toàn cầu tài trợ (2020 - 2021);

- Dự án “Nâng cao năng lực quản lý và ý thức bảo vệ môi trường của cộng đồng địa phương, xây dựng mô hình cộng đồng thu gom, phân loại, xử lý nhằm giảm thiểu rác thải nhựa tại các xã, phường ven biển thuộc Vịnh Quy Nhơn, tỉnh Bình Định” do Quỹ Môi trường toàn cầu tài trợ (2020 - 2022);

- Phi dự án “Thí điểm các mô hình quản lý chất thải rắn sinh hoạt và chất thải ngành thủy sản nhằm thúc đẩy Kinh tế tuần hoàn tại thành phố Quy Nhơn” do Chương trình Phát triển Liên hợp quốc tài trợ (2022 - 2024);

Bên cạnh đó, UBND tỉnh đã chỉ đạo các sở, ban, ngành liên quan tham mưu các bước chuẩn bị triển khai dự án “Hỗ trợ thực hiện Kế hoạch hành động quốc gia về chất thải nhựa Đại dương trong bối cảnh Phục hồi xanh hậu COVID-19 tại Việt Nam” do Quỹ Môi trường toàn cầu tài trợ.

Quá trình hoàn thiện thủ tục tổ chức thực hiện và xây dựng kế hoạch triển khai các dự án hợp tác quốc tế thường mất nhiều thời gian vì sự khác biệt giữa các quy định pháp luật của Việt Nam và các tổ chức nước ngoài. Rào cản về ngôn ngữ cũng là một yếu tố ảnh hưởng đến quá trình trao đổi triển khai các dự án với đối tác nước ngoài.

10. Công tác thanh tra, kiểm tra, giải quyết khiếu nại tố cáo trong quản lý tổng hợp tài nguyên và bảo vệ môi trường biển, hải đảo

Trong thời gian qua, UBND tỉnh đã chỉ đạo Sở Tài nguyên và Môi trường tham gia, phối hợp với Tổng cục Biển và Hải đảo Việt Nam (nay là Cục Biển và Hải đảo Việt Nam) thực hiện Kế hoạch kiểm tra năm 2018 và 2023 của các đơn vị trực thuộc Bộ Tài nguyên và Môi trường (Chi tiết tại Biểu mẫu 04). Bên cạnh đó, trong năm 2024, Sở Tài nguyên và Môi trường sẽ tham mưu triển khai kiểm tra việc chấp hành các quy định của pháp luật về giao khu vực biển và quy định về quản lý, bảo vệ hành lang bảo vệ bờ biển trên địa bàn tỉnh.

Đối với 02 trường hợp được cấp phép và giao khu vực biển để nhận chìm vật, chất ở biển năm 2017 đều thực hiện đúng các quy định pháp luật, không có hành vi vi phạm.

Các quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tài nguyên, bảo vệ môi trường biển và hải đảo hiện nay được quy định ở nhiều văn bản khác nhau và có sự chồng chéo, thiếu đồng bộ nên gây khó khăn cho các cơ quan quản lý nhà nước trong công tác kiểm tra, xử lý vi phạm.

Hiện nay, hệ thống văn bản pháp luật chỉ mới quy định xử phạt vi phạm hành chính đối với vi phạm trong việc thực hiện Giấy phép nhận chìm ở biển và vi phạm quy định trong Quyết định giao khu vực biển⁵²; vi phạm các quy định về hoạt động UPSCTD⁵³. Đối với quy định UBND tỉnh có trách nhiệm kiểm tra, thanh tra, xử lý vi phạm pháp luật về quản lý, bảo vệ hành lang bảo vệ bờ biển trên địa bàn (điểm c khoản 1 Điều 43 Nghị định số 40/2016/NĐ-CP) thì chưa có văn bản quy định xử phạt vi phạm về quản lý, bảo vệ hành lang bảo vệ bờ biển.

⁵² Tại Nghị định quy định xử phạt vi phạm hành chính trên các vùng biển, đảo và thềm lục địa của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (văn bản hợp nhất số 05/VBHN-BQP ngày 08/8/2022 của Bộ Quốc phòng)

⁵³ Tại Điều 39 Nghị định số 45/2022/NĐ-CP ngày 07/7/2022 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường

Phần thứ hai

ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

UBND tỉnh kính đề nghị Bộ Tài nguyên và Môi trường, Cục Biển và Hải đảo Việt Nam, các cơ quan, đơn vị trực thuộc Bộ và các Bộ, ngành Trung ương có liên quan xem xét các đề xuất, kiến nghị ở một số nội dung sau:

- Tham mưu cấp có thẩm quyền phê duyệt Quy hoạch không gian biển quốc gia và Quy hoạch tổng thể khai thác, sử dụng bền vững tài nguyên vùng bờ, sớm ban hành Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 11/2021/NĐ-CP và Nghị định số 40/2016/NĐ-CP để tạo điều kiện cho việc triển khai tại địa phương;

- Đối với quy định điều chỉnh chiều rộng, ranh giới hành lang bảo vệ bờ biển, đề nghị sửa đổi quy định mở rộng hơn đối với các trường hợp điều chỉnh cho nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội vùng ven biển nhưng không ảnh hưởng lớn đến mục tiêu thiết lập hành lang bảo vệ bờ biển tại địa phương;

- Trình Chính phủ ban hành Nghị định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý tổng hợp tài nguyên, bảo vệ môi trường biển và hải đảo (bao gồm các quy định về xử phạt vi phạm hành chính đối với các hành vi vi phạm về quản lý, bảo vệ hành lang bảo vệ bờ biển) để thống nhất một văn bản quy định;

- Ban hành các văn bản hướng dẫn phục vụ công tác phòng ngừa, ứng phó, khắc phục sự cố tràn dầu: quy trình thẩm định, phê duyệt Kế hoạch UPSCTD cấp cơ sở, cấp huyện; xây dựng, cập nhật bản đồ nhạy cảm môi trường theo địa bàn quản lý và định kỳ cập nhật hệ thống bản đồ nhạy cảm môi trường khu vực ven biển và các hải đảo của Việt Nam; điều tra, đánh giá, xác định thiệt hại và lập hồ sơ bồi thường thiệt hại về môi trường, xây dựng và thực hiện kế hoạch phục hồi môi trường do dầu tràn; xác minh nguyên nhân tràn dầu chưa rõ nguồn gốc xảy ra tại địa bàn; quy định công tác đầu tư, mua sắm phương tiện, trang thiết bị và đào tạo chuyên môn, nghiệp vụ UPSCTD cho cơ quan Quân sự các cấp; đồng thời hướng dẫn các hoạt động cụ thể trong khắc phục sự cố tràn dầu trên biển để cơ quan chuyên môn tham mưu UBND tỉnh triển khai trong thực tế; đánh giá kết quả thực hiện Thông tư số 33/2018/TT-BTNMT trong thời gian qua để từ đó có cơ sở xem xét chỉnh sửa, bổ sung hoặc thay thế Thông tư nhằm đảm bảo hiệu quả triển khai trong thực tế;

- Bộ Tài nguyên và Môi trường chỉ đạo Cục Biển và Hải đảo Việt Nam cập nhật lại thông tin bản đồ trong Hệ thống hỗ trợ giao khu vực biển;

- Nghiên cứu tích hợp Báo cáo tình hình quản lý tổng hợp tài nguyên và bảo vệ môi trường biển và hải đảo theo Thông tư số 10/2016/TT-BTNMT⁵⁴ vào Báo cáo đánh giá tình hình thực hiện nhiệm vụ quản lý TNMT theo Thông tư số

⁵⁴ Thông tư số 10/2016/TT-BTNMT ngày 16/5/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết nội dung, thể thức, thời điểm báo cáo về quản lý tổng hợp tài nguyên và bảo vệ môi trường biển và hải đảo

29/2019/TT-BTNMT⁵⁵ để tránh trùng lặp nội dung báo cáo và giảm thiểu số lượng báo cáo của ngành tài nguyên và môi trường;

- Nghiên cứu sửa đổi Thông tư số 27/2016/TT-BTNMT vì quy định chưa rõ ràng, cụ thể về tài liệu chứng minh, đồng thời một số tiêu chí trùng lặp về nội dung và không hợp lý;

- Nghiên cứu ban hành văn bản quy phạm pháp luật hướng dẫn về phạm vi, thẩm quyền thực hiện quản lý nhà nước về môi trường biển, hướng dẫn phân rõ nhiệm vụ giữa cơ quan quản lý nhà nước về biển, hải đảo (Phòng Biển và Hải đảo, Chi cục Biển và Hải đảo) và cơ quan quản lý nhà nước về môi trường (Chi cục Bảo vệ môi trường, Phòng Môi trường) tại địa phương nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho công tác quản lý môi trường biển tại địa phương. Bên cạnh đó, cần ban hành văn bản quy phạm pháp luật quy định lại trách nhiệm giữa Bộ Tài nguyên và Môi trường và Bộ, ngành tham mưu UPSCTD trong công tác khắc phục sự cố tràn dầu;

- Tạo điều kiện cho tỉnh Bình Định tham gia các nhiệm vụ triển khai tại địa phương thuộc các dự án cấp Trung ương, cấp Bộ hoặc các dự án có nguồn vốn viện trợ nước ngoài liên quan đến quản lý tổng hợp tài nguyên, bảo vệ môi trường biển, hải đảo.

UBND tỉnh Bình Định kính báo cáo Bộ Tài nguyên và Môi trường./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- CT UBND tỉnh;
- PCT TT UBND tỉnh N.T.Thanh;
- CVP;
- Lưu: VT, K13 (15b).

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Tuấn Thanh

⁵⁵ Thông tư số 29/2019/TT-BTNMT ngày 31/12/2019 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chế độ báo cáo định kỳ hàng năm thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ TNMT